



BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG CỤC DU LỊCH



SỔ TAY

HƯỚNG DẪN CẤP NHÃN DU LỊCH XANH
CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ
KHÁCH DU LỊCH



**BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC DU LỊCH**

80 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 3 942 3760 - Fax: (84-4) 3 942 4115
www.vietnamtourism.gov.vn

Hà Nội, tháng 01 năm 2013



Tác giả sẽ chịu trách nhiệm về nội dung ấn phẩm này và những nội dung này không phản ánh quan điểm của Cơ quan Hợp tác phát triển quốc tế Tây Ban Nha (AECID).

(The contents of this publication are the sole responsibility of the authors and can in no way be taken to reflect the views of the Spanish Technical Cooperation (AECID))

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

LỜI NÓI ĐẦU	04
PHẦN THỨ NHẤT: BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐỂ CẤP NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	05
I. Khái niệm Nhân Du lịch xanh áp dụng cho điểm dừng chân phục vụ khách du lịch	05
II. Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho điểm dừng chân phục vụ khách du lịch	05
2.1. Quan điểm áp dụng	05
2.2. Cấu trúc	05
2.3. Phương pháp đánh giá	06
2.4. Các tiêu chí và biểu điểm	07
PHẦN THỨ HAI: QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	17
I. Đối tượng áp dụng	17
II. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	17
III. Tổ chức đánh giá cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	17
IV. Cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	18
V. Đổi, cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	18
VI. Thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	19
VII. Điều kiện sử dụng Nhân Du lịch xanh	19
VIII. Đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh	19
IX. Trách nhiệm liên quan đến việc đề nghị và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh	19
Phụ lục 1: MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	21
Phụ lục 2A: MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH	22
Phụ lục 2B: MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH	23
Phụ lục 3: MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	35
Phụ lục 4: MẪU TỜ TRÌNH VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	36
Phụ lục 5: MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHÃN DU LỊCH XANH TẠI ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	37
Phụ lục 6: MẪU BIÊN BẢN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH THEO CÁC TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH	38
Phụ lục 7: MẪU CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CẤP CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	40
Phụ lục 8: MẪU BIỂU TRƯNG NHÃN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH	41

LỜI NÓI ĐẦU

Bảo vệ môi trường (BVMT) là nhiệm vụ cấp bách, là nghĩa vụ của mỗi tổ chức, mỗi công dân và các doanh nghiệp. Ở Việt Nam, ngày càng nhiều cơ sở dịch vụ du lịch quan tâm đến phát triển bền vững, đến du lịch có trách nhiệm, đưa ra những sáng kiến và các giải pháp chống ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường.

Một trong các sáng kiến đó là áp dụng Nhân Du lịch xanh (hoặc Nhân sinh thái hoặc Nhân Du lịch bền vững). Hoạt động này đã được triển khai ở nhiều nước, có hiệu quả rõ rệt đối với công tác BVMT nói riêng và phát triển du lịch bền vững nói chung.

Tháng 4 năm 2012, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Bộ tiêu chí Nhân du lịch bền vững Bông sen xanh làm công cụ để đánh giá, quản lý công tác BVMT đối với hệ thống cơ sở lưu trú du lịch ở Việt Nam. Đó là một bước đi tích cực, tạo đà cho việc áp dụng các tiêu chí bảo vệ môi trường trong ngành du lịch.

Nhằm nâng cao ý thức BVMT, phát triển du lịch có trách nhiệm ở Việt Nam, Tổng cục Du lịch được sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác phát triển Quốc tế Tây Ban Nha (AECID) xây dựng các Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh cho 4 loại cơ sở dịch vụ du lịch: nhà hàng phục vụ khách du lịch, cửa hàng mua sắm phục vụ khách du lịch, điểm dừng chân phục vụ khách du lịch, điểm tham quan du lịch. Nhóm chuyên gia đã khảo sát, nghiên cứu thực địa ở nhiều cơ sở dịch vụ du lịch, đề xuất cách thức, quy trình đánh giá để cấp Nhân Du lịch xanh cho các cơ sở dịch vụ du lịch trên. Đây là các hướng dẫn cơ bản để các nhà đầu tư, nhà quản lý và nhân viên các cơ sở dịch vụ du lịch áp dụng nhằm đưa cơ sở trở thành một điểm du lịch xanh, góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội, góp phần đưa Du lịch Việt Nam thành ngành kinh tế phát triển bền vững.

Tài liệu này sẽ hữu ích cho các cơ sở du lịch, các cán bộ hoạt động du lịch và những ai quan tâm đến du lịch./.

PHẦN THỨ NHẤT

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐỂ CẤP NHÂN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

I. KHÁI NIỆM NHÂN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

- Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (sau đây gọi là Điểm dừng chân) là nơi nghỉ cho khách đi đường trong một khoảng thời gian ngắn, có bãi đỗ xe, khu vệ sinh công cộng. Ngoài ra, có thể có thêm dịch vụ ăn uống (nhà hàng), dịch vụ mua sắm (cửa hàng mua sắm), đáp ứng được yêu cầu của khách du lịch.

- Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch là nhân hiệu cấp cho các Điểm dừng chân đạt được các quy định của bộ tiêu chí này. Điểm dừng chân được cấp Nhân Du lịch xanh là những điểm có nỗ lực trong việc bảo vệ môi trường (BVMT), sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, góp phần bảo vệ các di sản, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và phát triển du lịch bền vững.

II. BỘ TIÊU CHÍ NHÂN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

2.1. Quan điểm áp dụng:

Trong quá trình áp dụng, Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân (sau đây gọi là Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh cho Điểm dừng chân) sẽ được sửa đổi, bổ sung khi cần thiết để phù hợp với trình độ kỹ thuật, công nghệ và hiểu biết về các vấn đề môi trường của con người.

2.2. Cấu trúc:

- Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh cho Điểm dừng chân gồm 168 tiêu chí, gồm tiêu chí bắt buộc và tiêu chí chấm điểm.

- Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh cho Điểm dừng chân được sắp xếp thành 5 nhóm chính: A; B; C; D; E. Mỗi nhóm có các mục cụ thể (A1, A2...; B1, B2...) và mỗi mục có các tiêu chí làm rõ nội dung, đánh giá chi tiết hơn yêu cầu của mục. Cụ thể như sau:

+ Nhóm A. Chính sách quản lý, bảo vệ môi trường và hoạt động phát triển bền vững của Điểm dừng chân, gồm 19 tiêu chí, trong đó có 6 tiêu chí bắt buộc và 13 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm B. Nhà vệ sinh công cộng, gồm 25 tiêu chí, trong đó có 8 tiêu chí bắt buộc và 17 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm C. Bãi đỗ xe, gồm 8 tiêu chí, trong đó có 2 tiêu chí bắt buộc và 6 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm D. Nhà hàng, gồm 65 tiêu chí, trong đó có 16 tiêu chí bắt buộc và 49 tiêu chí chấm điểm.

+ Nhóm E. Cửa hàng mua sắm, gồm 51 tiêu chí, trong đó có 14 tiêu chí bắt buộc và 37 tiêu chí chấm điểm.

2.3. Phương pháp đánh giá:

- Nguyên tắc đánh giá:
 - + Các tiêu chí bắt buộc: Không chấm điểm, chỉ đánh giá đạt hay không đạt.
 - + Các tiêu chí khác: Chấm điểm 0 hoặc 1 (Chấm điểm 0 đối với các tiêu chí không được thực hiện hoặc thực hiện không thường xuyên, liên tục; chấm điểm 1 đối với các tiêu chí thực hiện tốt).
- Các nhóm Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch:
 - + Nhóm 1: Điểm dừng chân gồm có Vệ sinh công cộng và Bãi đỗ xe.
 - + Nhóm 2: Điểm dừng chân gồm có Vệ sinh công cộng, Bãi đỗ xe và Nhà hàng.
 - + Nhóm 3: Điểm dừng chân gồm có Vệ sinh công cộng, Bãi đỗ xe và Cửa hàng mua sắm.
 - + Nhóm 4: Điểm dừng chân gồm có Điểm dừng chân gồm có Vệ sinh công cộng, Bãi đỗ xe, Nhà hàng và Cửa hàng mua sắm.
- Nhân Du lịch xanh được cấp cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch: khi đạt được các tiêu chí bắt buộc và điểm tối thiểu cho các tiêu chí khác, tùy thuộc vào loại điểm dừng chân, cụ thể:
 - + Điểm dừng chân thuộc nhóm 1: đạt 16 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt 29/36 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C) sẽ được cấp Nhân Du lịch Xanh.
 - + Điểm dừng chân thuộc nhóm 2: đạt 32 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt 68/85 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C, D) sẽ được cấp Nhân Du lịch Xanh.
 - + Điểm dừng chân thuộc nhóm 3: đạt 30 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt 58/73 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C, E) sẽ được cấp Nhân Du lịch Xanh.
 - + Điểm dừng chân thuộc nhóm 4: đạt 46 tiêu chí bắt buộc (tức đạt 100% các tiêu chí bắt buộc) và tối thiểu đạt và 98/122 điểm (tức đạt 80% tổng các tiêu chí khác được đánh giá của các nhóm A, B, C, D, E) sẽ được cấp Nhân Du lịch Xanh.

Cụ thể như bảng sau:

NHÓM TIÊU CHÍ	LOẠI TIÊU CHÍ			ĐIỂM CẦN ĐẠT
	TỔNG SỐ	BẮT BUỘC	ĐÁNH GIÁ	
A. Chính sách quản lý BVMT	19	6	13	
B. Nhà vệ sinh	25	8	17	
C. Bãi đỗ xe	8	2	6	
D. Nhà hàng	65	16	49	
E. Cửa hàng mua sắm	51	14	37	
Tổng cộng	168	46	122	98
A+B+C	52	16	36	29
A+B+C+D	117	32	85	68
A+B+C+E	103	30	73	58
A+B+C+D+E	168	46	122	98

2.4. Các tiêu chí và biểu điểm:

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
A	Chính sách quản lý, bảo vệ môi trường (bvmt) và hoạt động phát triển bền vững của điểm dừng chân		13
A1	Chính sách quản lý và BVMT, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương		9
A1.1	Có lập kế hoạch hàng năm về thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường	X	
A1.2	Có lập kế hoạch hàng năm về các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương		1
A1.3	Có thông báo (panô, áp phích, bảng hướng dẫn...) về chính sách bảo vệ môi trường của cơ sở để tại vị trí dễ thấy		1
A1.4	Có hoạt động yêu cầu các nhà cung cấp hỗ trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường		1
A1.5	Có tham gia vào các hoạt động vì môi trường của địa phương		1
A1.6	Có đóng góp (tài chính, nhân lực hoặc vật chất) cho các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương		1
A1.7	Sử dụng trên 30% lao động là nữ hoặc người dân tộc thiểu số		1
A1.8	Sử dụng trên 40% lao động địa phương hoặc lao động đến từ các vùng kém phát triển		1
A1.9	Người lao động tại doanh nghiệp được kiểm tra sức khỏe định kỳ		1
A1.10	Sử dụng văn hóa truyền thống trong kiến trúc, trang trí, thiết kế các công trình, dịch vụ, sản phẩm của điểm dừng chân		1
A1.11	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường và cải tiến hoạt động BVMT của Điểm dừng chân	X	
A2	Nâng cao nhận thức, hướng dẫn cho người lao động tại Điểm dừng chân về tầm quan trọng, biện pháp BVMT tự nhiên, môi trường nhân văn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, xã hội		1
A2.1	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn tối thiểu 1 năm/lần cho người lao động tại điểm dừng chân về lợi ích và các biện pháp BVMT tự nhiên	X	
A2.2	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn tối thiểu 1 năm/lần cho người lao động tại điểm dừng chân về bảo vệ môi trường nhân văn, các vấn đề văn hóa, xã hội (ví dụ: chống các tệ nạn xã hội)		1
A2.3	Có nội quy, quy trình hướng dẫn người lao động tại điểm dừng chân thực hành bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên (nước, nguyên liệu...), trong công việc	X	
A2.4	Bổ trí cán bộ quản lý môi trường chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để điều phối các hoạt động quản lý và BVMT trong điểm dừng chân	X	

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
A2.5	Có bảng phân công người lao động tại điểm dừng chân trong hoạt động BVMT và có hình thức khen thưởng, động viên khi tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và BVMT	X	
A3	Hướng dẫn khách tham gia BVMT tự nhiên, xã hội		3
A3.1	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) phổ biến các quy định về việc khai thác, mua bán động thực vật hoang dã, cổ vật... cho khách (có thể tự in hoặc sử dụng tài liệu được phát)		1
A3.2	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) hoặc bảng hướng dẫn du khách tham gia bảo vệ môi trường du lịch tại điểm dừng chân		1
A3.3	Có hình thức khen thưởng, động viên khách tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và BVMT		1
B	NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG		17
B1	Tiết kiệm năng lượng		4
B1.1	Đọc, ghi nhận các chỉ số tiêu thụ điện hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X	
B1.2	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact, led)		1
B1.3	Lắp đặt đèn với công suất phù hợp, đủ chiếu sáng cho tất cả các khu vực (lối ra vào, trong phòng vệ sinh và khu vực rửa tay)		1
B1.4	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X	
B1.5	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X	
B1.6	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
B1.7	Tận dụng tối đa chiếu sáng và thông gió tự nhiên cho các khu vực lối ra vào, trong phòng vệ sinh và khu vực rửa tay (ví dụ: dùng cửa chớp cho nhà vệ sinh)		1
B2	Tiết kiệm nước		9
B2.1	Quản lý tiêu thụ nước		
B2.1.1	Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X	
B2.1.2	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng ngày, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước	X	
B2.1.3	Thực hiện kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
B2.1.4	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp		1
B2.1.5	Cài đặt nhiệt độ nước nóng cho khu vực rửa tay (vào mùa đông) từ 50°C-60°C		1

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
B2.2	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước		
B2.2.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1
B2.2.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1
B2.2.3	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1
B2.2.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1
B2.2.5	Có lắp đặt thiết bị vệ sinh khô (hạn chế dùng nước)		1
B2.2.6	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1
B3	Giảm thiểu và xử lý chất thải		4
B3.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X	
B3.2	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi khu vệ sinh công cộng ít nhất 4 lần/ngày	X	
B3.3	Sử dụng thùng rác làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường, để vệ sinh		1
B3.4	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...). Thay thế sử dụng các loại túi có chất liệu thân thiện với môi trường		1
B3.5	Tái sử dụng đồ vải cũ làm giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi. Tái sử dụng khăn lau tay ở khu vệ sinh		1
B3.6	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X	
B3.7	Thực hiện phân loại rác: có các thùng rác và ghi rõ ký hiệu loại rác để hướng dẫn bỏ rác đúng quy định		1
C	BÃI ĐỖ XE		6
C1	Có cây xanh xung quanh khu vực bãi đỗ xe		1
C2	Có hệ thống thoát nước	X	
C3	Có lưới chắn nắng hoặc mái che làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường		1
C4	Sử dụng năng lượng tự nhiên		1
C5	Dùng bóng đèn tiết kiệm điện		1
C6	Có nhân viên điều hành trực ở bãi đỗ xe	X	
C7	Có biển chỉ dẫn tới các khu vực dịch vụ của điểm dừng chân		1
C8	Có dịch vụ làm sạch xe cấp tốc		1
D	NHÀ HÀNG		49
D1	Tiết kiệm năng lượng		18
D1.1	Quản lý tiêu thụ năng lượng		
D1.1.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X	

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
D1.1.2	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X	
D1.1.3	Tính chỉ số tiêu thụ điện của nhà hàng hàng tháng (không tính thiết bị trong bếp)		1
D1.1.4	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
D1.1.5	Khuyến khích có nước nóng cho khu vực rửa tay (vào mùa đông) với nhiệt độ được cài đặt từ 50°C-60°C		1
D1.1.6	Có quy trình và giám sát việc thực hành tiết kiệm năng lượng		1
D1.1.7	Có áp dụng cách khác về quản lý và tiết kiệm năng lượng hiệu quả		1
D1.2	Sử dụng thiết bị tiết kiệm trong khu vực bếp		
D1.2.1	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy rửa bát đĩa, máy sấy khô tay có công suất < 1500 W và sấy trong vòng ít hơn 15 giây...)		1
D1.2.2	Có lắp tấm rèm chắn bằng nhựa chống thoát nhiệt tại cửa của nhà lạnh, kho lạnh chứa thực phẩm, đồ dùng nhà bếp		1
D1.2.3	Có lắp đặt bộ điều chỉnh nhiệt được lập trình cho các thiết bị nhiệt như lò nướng, rán...		1
D1.3	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng, lạnh, thông gió tiết kiệm năng lượng		
D1.3.1	Sử dụng hệ thống điều hòa tiết kiệm năng lượng (điều hòa với nhãn Eco, điều hòa tổng...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1
D1.3.2	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1
D1.3.3	Sử dụng hệ thống rèm 2 lớp (giúp chắn sáng và cách nhiệt)		1
D1.3.4	Có thiết bị điều khiển cảm ứng hoặc tương đương để điều chỉnh luồng không khí trong nhà hàng sao cho duy trì nồng độ khí các bon trong nhà hàng không quá 700 ppm so với nồng độ khí các bon bên ngoài trời		1
D1.4	Sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng		
D1.4.1	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact)	X	
D1.4.2	Chia từng khu vực trong nhà hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực bếp, nhân viên...)		1

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
D1.4.3	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1
D1.4.4	Khuyến khích sử dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên		1
D1.5	Các biện pháp khác nâng cao hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện một cách hợp lý và hiệu quả		
D1.5.1	Sử dụng các nguồn năng lượng khác (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1
D1.5.2	Sử dụng thiết bị chuyển nhiệt như heat pump (ví dụ: thu nhiệt từ thiết bị điều hòa trung tâm phục vụ làm nóng nước...)		1
D1.5.3	Các biện pháp, sáng kiến khác		1
D2	Tiết kiệm nước		11
D2.1	Quản lý tiêu thụ nước		
D2.1.1	Lắp đặt thiết bị giám sát lượng nước tiêu thụ hàng tháng	X	
D2.1.2	Có phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X	
D2.1.3	Có lịch trình, chương trình quản lý bảo dưỡng thiết bị nước hàng tháng	X	
D2.1.4	Có kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
D2.1.5	Tưới cây vào tối muộn hoặc sáng sớm	X	
D2.1.6	Không xả nước để rửa đá thức ăn mà làm tan đá ngay trong tủ lạnh		1
D2.1.7	Không xả nước nóng liên tục vào bể mỡ, thiết bị lọc dầu mỡ khi làm công tác vệ sinh		1
D2.1.8	Tái sử dụng nước xám (ví dụ: nước sau khi rửa rau, quả, nước giặt cuối... phục vụ cho mục đích phi vệ sinh như cọ rửa sân vườn hoặc tưới cây)		1
D2.1.9	Chỉ phục vụ nước khi khách yêu cầu (có biển thông báo cho khách hàng trước)		1
D2.2	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước		
D2.2.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1
D2.2.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1
D2.2.3	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1
D2.2.4	Lắp đặt các thiết bị sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm khác (ví dụ: máy rửa bát, máy làm đá...)		1
D2.2.5	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1
D2.2.6	Có lắp đặt thiết bị vệ sinh khô (để hạn chế dùng nước)		1

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
D3	Sử dụng thực phẩm an toàn		6
D3.1	Sử dụng thực phẩm (thức ăn, đồ uống), chất phụ gia, nguyên vật liệu là chất hữu cơ, đảm bảo chất lượng, vệ sinh, an toàn. Không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia độc hại để sản xuất, chế biến món ăn, đồ uống.	X	
D3.2	Sử dụng thực phẩm có nguồn gốc trong nước, khuyến khích từ các nông trại của địa phương hoặc gần địa phương (bán kính 30km)		1
D3.3	Tùy theo từng loại hình nhà hàng, có chính sách khuyến khích sáng tạo và chế biến các món ăn từ thực vật, hoa quả, hạn chế sử dụng các thực phẩm từ động vật.		1
D3.4	Không bắt giữ, chế biến thức ăn từ các động, thực vật quý hiếm	X	
D3.5	Hạn chế phục vụ khách nước uống đóng chai, thay vào đó phục vụ nước do nhà hàng chế biến		1
D3.6	Có các biện pháp quảng cáo, tuyên truyền về thực phẩm sạch, có lợi cho sức khỏe với khách hàng		1
D3.7	Quảng bá và khuyến khích khách hàng sử dụng thức ăn hữu cơ (thức ăn dùng thực phẩm hữu cơ và không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia để sản xuất, chế biến)		1
D3.8	Đặt mua các sản phẩm như thực đơn, túi đựng, khay... làm từ các nguyên liệu tái chế		1
D4	Xử lý và giảm thiểu chất thải		11
D4.1	Xử lý chất thải		
D4.1.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, có lắp đặt chặn rác		1
D4.1.2	Lắp đặt bể mỡ để giảm tải trọng hệ thống nước thải. Rửa sạch các thiết bị bếp có dính mỡ như chảo rán, thiết bị rán..., vệ sinh thiết bị bể mỡ, lọc dầu mỡ hàng ngày để đảm bảo các thiết bị hoạt động hiệu quả và bền lâu	X	
D4.1.3	Phân loại chất thải rắn: rác thải ướt (thức ăn), rác thải có thể tái chế (đồ kim loại, thủy tinh, giấy, bìa...), rác thải để ủ làm phân bón (lá cây), rác thải chuyển đi xử lý và rác thải độc hại		1
D4.1.4	Có ký hợp đồng với các công ty tái chế rác, công ty chuyển rác và công ty xử lý chất thải	X	
D4.1.5	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp và nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra	X	
D4.1.6	Chuyển rác ra khỏi bếp ngày 2 lần. Chuyển rác tới nơi xử lý ngày 1 lần	X	
D4.2	Giảm thiểu chất thải		
D4.2.1	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...). Thay thế sử dụng các loại túi có chất liệu thân thiện với môi trường		1

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
D4.2.2	Thực hiện bảo quản, gìn giữ các thiết bị, đồ dùng trong nhà hàng, khuyến khích sử dụng đồ đạc, trang thiết bị chất lượng tốt, bền		1
D4.2.3	Hạn chế mua sắm, sử dụng các thiết bị không cần thiết cho việc kinh doanh nhà hàng (ví dụ: đồ trang trí không cần thiết, bàn ghế, lắp quá nhiều đèn...)		1
D4.2.4	Các đồ ăn không phục vụ khách, có thể tận dụng cho nhân viên hoặc quyên góp cho người nghèo		1
D4.2.5	Đánh dấu, sắp xếp khi mua thực phẩm, đồ uống mới để nhân viên sử dụng thực phẩm theo thứ tự thời gian nhập hàng, tránh đồ ăn, thức uống bị quá hạn, bị hỏng	X	
D4.2.6	Thu gom thức ăn thừa vào thùng chuyên dụng đựng thức ăn để đảm bảo vệ sinh thực phẩm khi tái sử dụng cho chăn nuôi gia súc		1
D4.2.7	Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, sử dụng hoặc tái sử dụng các vật liệu có thể tái sử dụng được (ví dụ: tái sử dụng chai, lọ...)		1
D4.2.8	Có sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp, nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra		1
D4.2.9	Tái sử dụng đồ vải cũ làm giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi. Tái sử dụng khăn lau tay tại khu rửa tay cho khách và nhân viên (khăn được giặt hàng ngày)		1
D4.2.10	Thực hiện tiết kiệm giấy, mực in (in và photo hai mặt giấy)		1
D5	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		3
D5.1	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocarbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X	
D5.2	Quần áo của nhân viên, đầu bếp, khăn lau, khăn trải bàn và các loại khăn khác dùng trong nhà hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1
D5.3	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" - làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường (ví dụ: dùng sáp ong, hạn chế không dùng nền đốt, thay thế bằng đèn Led...)		1
D5.4	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm (tham khảo tại trang web của Trung tâm Phân tích và Chuyển giao Công nghệ Môi trường)	X	
D5.5	Bàn ghế đồ dùng, vật liệu trong nhà hàng được làm từ các vật liệu công nghiệp, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1
E	CỬA HÀNG MUA SẮM		37
E1	Giới thiệu về văn hóa truyền thống và sản phẩm của địa phương		6

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
E1.1	Bán hàng hóa đảm bảo chất lượng và thân thiện với môi trường, ưu tiên các sản phẩm của địa phương nhưng không phải là kết quả của hành vi phá hoại môi trường	X	
E1.2	Khách có thể được tham gia sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1
E1.3	Giới thiệu với khách các sản phẩm độc đáo của địa phương		1
E1.4	Tổ chức giới thiệu một số công đoạn sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương hoặc có chiếu phim minh họa		1
E1.5	Có nhân viên hay thợ thủ công trình diễn các thao tác, quy trình tạo ra sản phẩm (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1
E1.6	Tỷ lệ hàng hoá sản xuất trong nước chiếm trên 70%		1
E1.7	Tỷ lệ hàng hoá sản xuất tại địa phương chiếm trên 50%		1
E2	Tiết kiệm năng lượng		12
E2.1	Quản lý tiêu thụ năng lượng		
E2.1.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng		1
E2.1.2	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X	
E2.1.3	Đọc, ghi nhận chỉ số tiêu thụ điện của cửa hàng hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X	
E2.1.4	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1
E2.2	Kiến trúc tiết kiệm năng lượng của cửa hàng		
E2.2.1	Kiến trúc đảm bảo tính thân thiện với môi trường (hướng mặt trời không chiếu thẳng vào khu mua sắm hoặc có kiến trúc che, chắn nắng hiệu quả, chống gió lùa...)		1
E2.2.2	Kiến trúc sử dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên		1
E2.3	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiết kiệm năng lượng		
E2.3.1	Sử dụng các nguồn năng lượng tự nhiên (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1
E2.3.2	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1
E2.3.3	Sử dụng hệ thống rèm giúp chắn sáng và cách nhiệt tốt		1
E2.3.4	Sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện (bóng compact, đèn led...)		1
E2.3.5	Chia từng khu vực trong cửa hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...)		1

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
E2.3.6	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy tính, tủ lạnh, máy điều hoà...)		1
E2.3.7	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1
E2.3.8	Có các biện pháp khác nâng cao tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện		1
E3	Tiết kiệm nước		5
E3.1	Quản lý tiêu thụ nước sạch		
E3.1.1	Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X	
E3.1.2	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng tháng, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước hàng ngày	X	
E3.2	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ, kỹ thuật tiết kiệm nước		
E3.2.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1
E3.2.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1
E3.2.3	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1
E3.2.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1
E3.2.5	Có lắp đặt thiết bị vệ sinh khô (để hạn chế dùng nước)		1
E4	Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và bán sản phẩm xanh		8
E4.1	Hàng hóa		
E4.1.1	Hàng hóa có xuất xứ trong nước, chiếm tỷ lệ 70% trở lên		1
E4.1.2	Hàng hóa được sản xuất tại địa phương hay sử dụng nguyên liệu của địa phương chiếm trên 20%		1
E4.1.3	Có in rõ nguồn gốc hàng hóa trên sản phẩm (không phải của cửa hàng sản xuất ra)		1
E4.1.4	Có in tên cửa hàng, biểu tượng (logo) hoặc nhãn hiệu hàng hóa (nếu hàng hóa được cửa hàng sản xuất).		1
E4.1.5	Tỷ lệ hàng hóa sản xuất bằng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường chiếm trên 60%		1
E4.1.6	Không có hàng hoá, vật dụng làm từ động thực vật hoang dã được bảo vệ theo pháp luật và các công ước quốc tế	X	
E4.1.7	Không sử dụng chất phụ gia, chất kích thích, hóa chất bảo vệ thực vật để chế biến trong các sản phẩm bán tại cửa hàng	X	
E4.2	Các vật dụng trong cửa hàng		
E4.2.1	Có túi đựng hàng hóa cho khách bằng chất liệu thân thiện với môi trường. Không sử dụng túi đựng đồ bằng chất liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon)	X	

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Loại Tiêu chí	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm (tối đa)
E4.2.2	Sử dụng thùng rác có chất liệu thân thiện với môi trường và dễ vệ sinh		1
E4.2.3	Sử dụng đồ đạc, thiết bị chất lượng tốt, bền		1
E4.2.4	Bàn ghế đồ dùng, vật liệu trong cửa hàng được làm từ các vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1
E5	Giảm thiểu và xử lý chất thải		4
E5.1	Giảm thiểu chất thải		
E5.1.1	Giảm thiểu sử dụng hoặc không sử dụng túi ny-lon để thu gom rác		1
E5.1.2	Tái sử dụng khăn, giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi, vệ sinh		1
E5.1.3	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp, nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra		1
E5.1.4	Thực hiện photo hai mặt giấy để tiết kiệm giấy và mực in.		1
E5.2	Xử lý chất thải		
E5.2.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X	
E5.2.2	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi cửa hàng ít nhất 2 lần/ngày và chuyển đến nơi xử lý 1 lần/ ngày	X	
E6	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		2
E6.1	Các quầy trưng bày đảm bảo đẹp mắt, sạch sẽ, thoáng mát	X	
E6.2	Đảm bảo vệ sinh, mỹ quan khu vực trước, trong cửa hàng	X	
E6.3	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocacbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X	
E6.4	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" - làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường (ví dụ: dùng sáp ong, hạn chế không dùng nền đất, thay thế bằng đèn Led...)		1
E6.5	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X	
E6.6	Quần áo của người lao động, khăn lau và các loại đồ vải trong cửa hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1
TỔNG ĐIỂM CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN			122

PHẦN THỨ HAI

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

I. Đối tượng áp dụng

- Các Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (sau đây gọi là đơn vị) đang hoạt động, kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam, tự nguyện áp dụng Nhãn Du lịch xanh.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trình tự, thủ tục đánh giá và cấp thí điểm Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh.

II. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh

- Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh gồm:
 - Đơn đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1**;
 - Bản báo cáo, tự đánh giá tình hình của đơn vị và tự chấm điểm theo Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch theo mẫu quy định tại **Phụ lục 2A** và **2B**;
 - Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh (trong 2 năm đầu áp dụng cấp thử nghiệm): Đơn vị nộp một bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Tổng cục Du lịch.
 - Lệ phí đánh giá:
 - Trong thời gian hai năm đầu áp dụng cấp thử nghiệm (kể từ khi có Quyết định ban hành Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch): Đơn vị được miễn phí đánh giá cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh.
 - Sau thời gian hai năm áp dụng cấp thử nghiệm sẽ có quy định về phí đánh giá, cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh.

III. Tổ chức đánh giá cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh

- Thành lập Hội đồng đánh giá cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh trong 2 năm đầu áp dụng cấp thử nghiệm (sau đây gọi là Hội đồng):

Hội đồng do Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch thành lập gồm 05 thành viên:

 - Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Vụ Khách sạn Tổng cục Du lịch.
 - Các thành viên Hội đồng:
 - Chuyên viên Vụ Khách sạn;
 - Đại diện Hiệp hội Khách sạn Việt Nam;
 - Đại diện Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
 - Chuyên gia về môi trường.
- Tổ chức đánh giá:
 - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ theo quy định tại khoản

1 Mục II nêu trên, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch thành lập Hội đồng đánh giá cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch thành lập Hội đồng, Hội đồng tổ chức đánh giá tại đơn vị căn cứ theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch.

c) Chủ tịch Hội đồng thông báo kết quả đánh giá cho đơn vị bằng văn bản theo mẫu quy định tại **Phụ lục 3**.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của Hội đồng, nếu đơn vị không có khiếu nại, Chủ tịch Hội đồng trình Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch kết quả đánh giá, gồm:

- Trình bày kết quả đánh giá và đề xuất cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho đơn vị theo mẫu quy định tại **Phụ lục 4**;

- Biên bản đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại đơn vị theo mẫu quy định tại **Phụ lục 5**;

- Biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định tại **Phụ lục 6**;

- Hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Mục II.

IV. Cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho đơn vị theo mẫu quy định tại **Phụ lục 7**, trên cơ sở xem xét hồ sơ quy định tại điểm d khoản 2 Mục III.

2. Chứng nhận có hiệu lực ba năm kể từ ngày cấp. Ít nhất ba tháng trước khi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh hết hiệu lực, đơn vị gửi hồ sơ đề nghị cấp đổi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh đến Tổng cục Du lịch. Hồ sơ và thủ tục đề nghị đánh giá, cấp lại như lần đầu.

V. Đổi, cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Trường hợp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh bị mất, cháy hoặc tiêu hủy, đơn vị phải khai báo với cơ quan công an và Tổng cục Du lịch trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày phát hiện bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai báo, đơn vị gửi đơn đề nghị Tổng cục Du lịch cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh kèm theo xác nhận của cơ quan công an về việc đã khai báo, trừ trường hợp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh được tìm thấy trước khi hết thời hạn gửi đơn đề nghị cấp lại.

2. Trường hợp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh bị rách, nát, đơn vị gửi đơn đề nghị đổi kèm theo bản gốc Chứng nhận Nhân Du lịch xanh bị rách, nát đến Tổng cục Du lịch.

3. Trường hợp đề nghị sửa đổi tên đơn vị trong Chứng nhận Nhân Du lịch xanh, đơn vị gửi công văn đề nghị cấp lại Chứng nhận Nhân Du lịch xanh kèm những văn bản chứng minh tên mới hợp pháp của đơn vị.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị đổi, cấp lại

Chứng nhận theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Mục này, Tổng cục Du lịch xem xét, đổi hoặc cấp lại Chứng nhận cho đơn vị.

VI. Thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Đơn vị bị thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Lập báo cáo tự đánh giá sai sự thật;

b) Vi phạm các tiêu chí bắt buộc và không đạt được theo đúng quy định của Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch ký Quyết định thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

3. Quyết định thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh gửi đến đơn vị bị thu hồi và công bố trên các trang thông tin điện tử của Tổng cục Du lịch.

VII. Điều kiện sử dụng Nhân Du lịch xanh

1. Đơn vị chỉ được sử dụng Nhân Du lịch xanh sau khi được cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

2. Đơn vị chỉ được sử dụng Nhân Du lịch xanh trong thời hạn Chứng nhận Nhân Du lịch xanh còn giá trị.

3. Được phép sử dụng biểu trưng Nhân Du lịch xanh theo mẫu quy định tại **Phụ lục 8**; trưng bày Chứng nhận Nhân Du lịch xanh tại khu vực chính của đơn vị và in biểu trưng Nhân Du lịch xanh trong các tài liệu quảng bá, xúc tiến và trên các vật dụng của đơn vị.

VIII. Đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh

1. Đơn vị bị đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh khi vi phạm một trong những trường hợp sau:

a) Sử dụng biểu trưng Nhân Du lịch xanh không đúng theo mẫu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cho đơn vị khác sử dụng biểu trưng Nhân Du lịch xanh của đơn vị mình.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch ký Quyết định đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh.

3. Đơn vị bị đình chỉ sử dụng Nhân Du lịch xanh không được tiếp tục gắn Nhân Du lịch xanh tại đơn vị và không được sử dụng biểu trưng, Chứng nhận Nhân Du lịch xanh in trong các ấn phẩm, vật dụng hoặc các phương tiện quảng cáo của đơn vị.

IX. Trách nhiệm liên quan đến việc đề nghị và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

1. Trách nhiệm của đơn vị đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

a. Thủ trưởng đơn vị đề nghị cấp Nhân Du lịch xanh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

b. Cá nhân nhận xét, đánh giá, xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ để đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh

a. Cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Chứng nhận theo quy định tại Mục III, Mục IV, Mục V, Mục VI.

b. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ hồ sơ cấp, đổi, cấp lại thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh theo đúng quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác bảo vệ môi trường, áp dụng Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại đơn vị.

4. Bảo mật các thông tin, số liệu, dữ liệu được ghi trong hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh; nếu cung cấp số liệu cho bên thứ ba phải được sự đồng ý bằng văn bản của đơn vị có hồ sơ đăng ký cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh.

5. Công bố đơn vị được cấp, bị đình chỉ hoặc thu hồi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh trên các trang thông tin điện tử của Tổng cục Du lịch./.

Phụ lục 1

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG NHẬN NHÂN DU LỊCH XANH CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

TÊN ĐƠN VỊ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ

**Cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho
Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch**

Kính gửi: Tổng cục Du lịch

Căn cứ Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch;

Căn cứ Quy trình đánh giá và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch.

Tên điểm dừng chân phục vụ khách du lịch đăng ký:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

Đề nghị Tổng cục Du lịch đánh giá, cấp/cấp lại/đổi Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho đơn vị.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sau khi được cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

Phụ lục 2A

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÊN ĐƠN VỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình của Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch theo Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh

Kính gửi: Tổng cục Du lịch

I. Thông tin chung:

Tên cơ quan, đơn vị chủ quản:.....

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Người chịu trách nhiệm về môi trường của đơn vị:.....

II. Báo cáo về hoạt động bảo vệ môi trường của đơn vị:

1. Những hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường đơn vị đã thực hiện trong 3 năm qua.

2. Kết quả đạt được (các hình ảnh, số liệu và văn bản chứng minh).

3. Tự chấm điểm và báo cáo hoạt động của đơn vị theo Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2B kèm theo):

3.1. Loại Điểm dừng chân của đơn vị, gồm có các dịch vụ:

3.2. Điểm do đơn vị tự chấm:

+ Số tiêu chí bắt buộc đơn vị đạt (%):

+ Số điểm các tiêu chí khác đơn vị đạt/ tổng điểm:

3.3. Báo cáo tình hình thực hiện theo các tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (ghi rõ số điểm cho từng tiêu chí và các nội dung thực hiện)/.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 2B

MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH THEO BỘ TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
1	2	3	4	5	6
A	CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) VÀ HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN		13		
A1	Chính sách quản lý và BVMT, đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương		9		
A1.1	Có lập kế hoạch hàng năm về thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường	X			
A1.2	Có lập kế hoạch hàng năm về các hoạt động hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương		1		
A1.3	Có thông báo (panô, áp phích, bảng hướng dẫn...) về chính sách bảo vệ môi trường của cơ sở để tại vị trí dễ thấy		1		
A1.4	Có hoạt động yêu cầu các nhà cung cấp hỗ trợ thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường		1		
A1.5	Có tham gia vào các hoạt động vì môi trường của địa phương		1		
A1.6	Có đóng góp (tài chính, nhân lực hoặc vật chất) cho các hoạt động phát triển cộng đồng tại địa phương		1		
A1.7	Sử dụng trên 30% lao động là nữ hoặc người dân tộc thiểu số		1		
A1.8	Sử dụng trên 40% lao động địa phương hoặc lao động đến từ các vùng kém phát triển		1		
A1.9	Người lao động tại doanh nghiệp được kiểm tra sức khỏe định kỳ		1		
A1.10	Sử dụng văn hóa truyền thống trong kiến trúc, trang trí, thiết kế các công trình, dịch vụ, sản phẩm của điểm dừng chân		1		
A1.11	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường và cải tiến hoạt động BVMT của Điểm dừng chân	X			
A2	Nâng cao nhận thức, hướng dẫn cho người lao động tại điểm dừng chân về tầm quan trọng, biện pháp BVMT tự nhiên, môi trường nhân văn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, xã hội		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
A2.1	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn tối thiểu 1 năm/lần cho người lao động tại điểm dừng chân về lợi ích và các biện pháp BVMT tự nhiên	X			
A2.2	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, tập huấn tối thiểu 1 năm/lần cho nhân viên làm việc tại điểm dừng chân về bảo vệ môi trường nhân văn, các vấn đề văn hóa, xã hội (ví dụ: chống các tệ nạn xã hội)		1		
A2.3	Có nội quy, quy trình hướng dẫn người lao động tại điểm dừng chân thực hành bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên (nước, nguyên liệu,...), trong công việc	X			
A2.4	Bổ trí cán bộ quản lý môi trường chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để điều phối các hoạt động quản lý và BVMT trong điểm dừng chân	X			
A2.5	Có bảng phân công người lao động tại điểm dừng chân trong hoạt động BVMT và có hình thức khen thưởng, động viên nhân viên tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và BVMT	X			
A3	Hướng dẫn khách tham gia BVMT tự nhiên, xã hội		3		
A3.1	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) phổ biến các quy định về việc khai thác, mua bán động thực vật hoang dã, cổ vật...cho khách (có thể tự in hoặc sử dụng tài liệu được phát)		1		
A3.2	Có tài liệu (sách, tờ rơi...) hoặc bảng hướng dẫn du khách tham gia bảo vệ môi trường du lịch tại điểm dừng chân		1		
A3.3	Có hình thức khen thưởng, động viên khách tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý và BVMT		1		
B	NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG		17		
B1	Tiết kiệm năng lượng		4		
B1.1	Đọc, ghi nhận các chỉ số tiêu thụ điện hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X			
B1.2	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact, led)		1		
B1.3	Lắp đặt đèn với công suất phù hợp, đủ chiếu sáng cho tất cả các khu vực (lối ra vào, trong phòng vệ sinh và khu vực rửa tay)		1		
B1.4	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X			
B1.5	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X			
B1.6	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
B1.7	Tận dụng tối đa chiếu sáng và thông gió tự nhiên cho các khu vực lối ra vào, trong phòng vệ sinh và khu vực rửa tay (ví dụ: dùng cửa chớp cho nhà vệ sinh)		1		
B2	Tiết kiệm nước		9		
B2.1	Quản lý tiêu thụ nước				
B2.1.1	Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X			
B2.1.2	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng ngày, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước.	X			
B2.1.3	Thực hiện kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
B2.1.4	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp		1		
B2.1.5	Cài đặt nhiệt độ nước nóng cho khu vực rửa tay (vào mùa đông) từ 50°C-60°C		1		
B2.2	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước				
B2.2.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1		
B2.2.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1		
B2.2.3	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1		
B2.2.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1		
B2.2.5	Có lắp đặt thiết bị vệ sinh khô (hạn chế dùng nước)		1		
B2.2.6	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1		
B3	Giảm thiểu và xử lý chất thải		4		
B3.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X			
B3.2	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi khu vệ sinh công cộng ít nhất 4 lần/ngày	X			
B3.3	Sử dụng thùng rác làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường, để vệ sinh		1		
B3.4	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...). Thay thế sử dụng các loại túi có chất liệu thân thiện với môi trường		1		
B3.5	Tái sử dụng đồ vải cũ làm giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi. Tái sử dụng khăn lau tay ở khu vệ sinh		1		
B3.6	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X			

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
B3.7	Thực hiện phân loại rác: có các thùng rác và ghi rõ ký hiệu loại rác để hướng dẫn bỏ rác đúng quy định		1		
C	BÃI ĐỖ XE		6		
C1	Có cây xanh xung quanh khu vực bãi đỗ xe		1		
C2	Có hệ thống thoát nước	X			
C3	Có lưới chắn nắng hoặc mái che làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường		1		
C4	Sử dụng năng lượng tự nhiên		1		
C5	Dùng bóng đèn tiết kiệm điện		1		
C6	Có nhân viên điều hành trực ở bãi đỗ xe	X			
C7	Có biển chỉ dẫn tới các khu vực dịch vụ của điểm dừng chân		1		
C8	Có dịch vụ làm sạch xe cấp tốc		1		
D	NHÀ HÀNG		49		
D1	Tiết kiệm năng lượng		18		
D1.1	Quản lý tiêu thụ năng lượng				
D1.1.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng	X			
D1.1.2	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X			
D1.1.3	Tính chỉ số tiêu thụ điện của nhà hàng hàng tháng (không tính thiết bị trong bếp)		1		
D1.1.4	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
D1.1.5	Khuyến khích có nước nóng cho khu vực rửa tay (vào mùa đông) với nhiệt độ được cài đặt từ 50°C-60°C		1		
D1.1.6	Có quy trình và giám sát việc thực hành tiết kiệm năng lượng		1		
D1.1.7	Có áp dụng cách khác về quản lý và tiết kiệm năng lượng hiệu quả		1		
D1.2	Sử dụng thiết bị tiết kiệm trong khu vực bếp				
D1.2.1	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy rửa bát đĩa, máy sấy khô tay có công suất < 1500 W và sấy trong vòng ít hơn 15 giây...)		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
D1.2.2	Có lắp tấm rèm chắn bằng nhựa chống thoát nhiệt tại cửa của nhà lạnh, kho lạnh chứa thực phẩm, đồ dùng nhà bếp		1		
D1.2.3	Có lắp đặt bộ điều chỉnh nhiệt được lập trình cho các thiết bị nhiệt như lò nướng, rán...		1		
D1.3	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng, lạnh, thông gió tiết kiệm năng lượng				
D1.3.1	Sử dụng hệ thống điều hòa tiết kiệm năng lượng (điều hòa với nhãn Eco, điều hòa tổng...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1		
D1.3.2	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...) (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1		
D1.3.3	Sử dụng hệ thống rèm 2 lớp (giúp chắn sáng và cách nhiệt)		1		
D1.3.4	Có thiết bị điều khiển cảm ứng hoặc tương đương để điều chỉnh luồng không khí trong nhà hàng sao cho duy trì nồng độ khí các bon trong nhà hàng không quá 700 ppm so với nồng độ khí các bon bên ngoài trời		1		
D1.4	Sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng				
D1.4.1	Sử dụng bóng tiết kiệm điện (bóng compact)	X			
D1.4.2	Chia từng khu vực trong nhà hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực bếp, nhân viên...)		1		
D1.4.3	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1		
D1.4.4	Khuyến khích sử dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên		1		
D1.5	Các biện pháp khác nâng cao hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện một cách hợp lý và hiệu quả				
D1.5.1	Sử dụng các nguồn năng lượng khác (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1		
D1.5.2	Sử dụng thiết bị chuyển nhiệt như heat pump (ví dụ: thu nhiệt từ thiết bị điều hòa trung tâm phục vụ làm nóng nước...)		1		
D1.5.3	Các biện pháp, sáng kiến khác		1		
D2	Tiết kiệm nước		11		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
D2.1	Quản lý tiêu thụ nước				
D2.1.1	Lắp đặt thiết bị giám sát lượng nước tiêu thụ hàng tháng	X			
D2.1.2	Có phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X			
D2.1.3	Có lịch trình, chương trình quản lý bảo dưỡng thiết bị nước hàng tháng	X			
D2.1.4	Có kiểm toán nước hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ nước và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
D2.1.5	Tưới cây vào tối muộn hoặc sáng sớm	X			
D2.1.6	Không xả nước để rửa đá thức ăn mà làm tan đá ngay trong tủ lạnh		1		
D2.1.7	Không xả nước nóng liên tục vào bể mỡ, thiết bị lọc dầu mỡ khi làm công tác vệ sinh		1		
D2.1.8	Tái sử dụng nước xám (ví dụ: nước sau khi rửa rau, quả, nước giặt cuối... phục vụ cho mục đích phi vệ sinh như cọ rửa sân vườn hoặc tưới cây)		1		
D2.1.9	Chỉ phục vụ nước khi khách yêu cầu (có biển thông báo cho khách hàng trước)		1		
D2.2	Sử dụng thiết bị tiết kiệm nước				
D2.2.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1		
D2.2.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1		
D2.2.3	Lắp đặt vòi cảm ứng, bồn tiểu cảm ứng		1		
D2.2.4	Lắp đặt các thiết bị sử dụng nước hiệu quả và tiết kiệm khác (ví dụ: máy rửa bát, máy làm đá...)		1		
D2.2.5	Có thiết bị thu và cắt trữ nước mưa		1		
D2.2.6	Có lắp đặt thiết bị vệ sinh khô (để hạn chế dùng nước)		1		
D3	Sử dụng thực phẩm an toàn		6		
D3.1	Sử dụng thực phẩm (thức ăn, đồ uống), chất phụ gia, nguyên vật liệu là chất hữu cơ, đảm bảo chất lượng, vệ sinh, an toàn. Không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia độc hại để sản xuất, chế biến món ăn, đồ uống.	X			
D3.2	Sử dụng thực phẩm có nguồn gốc trong nước, khuyến khích từ các nông trại của địa phương hoặc gần địa phương (bán kính 30km)		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
D3.3	Tùy theo từng loại hình nhà hàng, có chính sách khuyến khích sáng tạo và chế biến các món ăn từ thực vật, hoa quả, hạn chế sử dụng các thực phẩm từ động vật.		1		
D3.4	Không bắt giữ, chế biến thức ăn từ các động, thực vật quý hiếm	X			
D3.5	Hạn chế phục vụ khách nước uống đóng chai, thay vào đó phục vụ nước do nhà hàng chế biến		1		
D3.6	Có các biện pháp quảng cáo, tuyên truyền về thực phẩm sạch, có lợi cho sức khỏe với khách hàng		1		
D3.7	Quảng bá và khuyến khích khách hàng sử dụng thức ăn hữu cơ (thức ăn dùng thực phẩm hữu cơ và không sử dụng hoá chất và các chất phụ gia để sản xuất, chế biến)		1		
D3.8	Đặt mua các sản phẩm như thực đơn, túi đựng, khay... làm từ các nguyên liệu tái chế		1		
D4	Xử lý và giảm thiểu chất thải		11		
D4.1	Xử lý chất thải				
D4.1.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, có lắp đặt chặn rác		1		
D4.1.2	Lắp đặt bể mỡ để giảm tải trọng hệ thống nước thải. Rửa sạch các thiết bị bếp có dính mỡ như chảo rán, thiết bị rán..., vệ sinh thiết bị bể mỡ, lọc dầu mỡ hàng ngày để đảm bảo các thiết bị hoạt động hiệu quả và bền lâu	X			
D4.1.3	Phân loại chất thải rắn: rác thải ướt (thức ăn), rác thải có thể tái chế (đồ kim loại, thủy tinh, giấy, bìa...), rác thải để ủ làm phân bón (lá cây), rác thải chuyển đi xử lý và rác thải độc hại		1		
D4.1.4	Có ký hợp đồng với các công ty tái chế rác, công ty chuyển rác và công ty xử lý chất thải	X			
D4.1.5	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp và nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra	X			
D4.1.6	Chuyển rác ra khỏi bếp ngày 2 lần. Chuyển rác tới nơi xử lý ngày 1 lần	X			
D4.2	Giảm thiểu chất thải				
D4.2.1	Giảm thiểu tiến đến không sử dụng túi đựng làm bằng vật liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon...). Thay thế sử dụng các loại túi có chất liệu thân thiện với môi trường		1		
D4.2.2	Thực hiện bảo quản, gìn giữ các thiết bị, đồ dùng trong nhà hàng, khuyến khích sử dụng đồ đạc, trang thiết bị chất lượng tốt, bền		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
D4.2.3	Hạn chế mua sắm, sử dụng các thiết bị không cần thiết cho việc kinh doanh nhà hàng (ví dụ: đồ trang trí không cần thiết, bàn ghế, lắp quá nhiều đèn...)		1		
D4.2.4	Các đồ ăn không phục vụ khách, có thể tận dụng cho nhân viên hoặc quyên góp cho người nghèo		1		
D4.2.5	Đánh dấu, sắp xếp khi mua thực phẩm, đồ uống mới để nhân viên sử dụng thực phẩm theo thứ tự thời gian nhập hàng, tránh đồ ăn, thức uống bị quá hạn, bị hỏng	X			
D4.2.6	Thu gom thức ăn thừa vào thùng chuyên dụng đựng thức ăn để đảm bảo vệ sinh thực phẩm khi tái sử dụng cho chăn nuôi gia súc		1		
D4.2.7	Sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, sử dụng hoặc tái sử dụng các vật liệu có thể tái sử dụng được (ví dụ: tái sử dụng chai, lọ...)		1		
D4.2.8	Có sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp, nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra		1		
D4.2.9	Tái sử dụng đồ vải cũ làm giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi. Tái sử dụng khăn lau tay tại khu rửa tay cho khách và nhân viên (khăn được giặt hàng ngày)		1		
D4.2.10	Thực hiện in và photo hai mặt giấy để tiết kiệm giấy, mực in		1		
D5	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		3		
D5.1	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocarbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X			
D5.2	Quần áo của nhân viên, đầu bếp, khăn lau, khăn trải bàn và các loại khăn khác dùng trong nhà hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1		
D5.3	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" - làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường ví dụ như dùng sáp ong, hạn chế không dùng nến đốt, thay thế bằng đèn Led...		1		
D5.4	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm (tham khảo tại trang web của Trung tâm Phân tích và Chuyển giao Công nghệ Môi trường)	X			
D5.5	Bàn ghế đồ dùng, vật liệu trong nhà hàng được làm từ các vật liệu công nghiệp, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1		
E	CỬA HÀNG MUA SẮM		37		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E1	Giới thiệu về văn hóa truyền thống và sản phẩm của địa phương		6		
E1.1	Bán các hàng hóa đảm bảo chất lượng và thân thiện với môi trường, ưu tiên các sản phẩm của địa phương nhưng không phải là kết quả của hành vi phá hoại môi trường	X			
E1.2	Khách có thể được tham gia sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1		
E1.3	Giới thiệu với khách các sản phẩm độc đáo của địa phương		1		
E1.4	Tổ chức giới thiệu một số công đoạn sản xuất sản phẩm đặc thù của địa phương hoặc có chiếu phim minh họa		1		
E1.5	Có nhân viên hay thợ thủ công trình diễn các thao tác, quy trình tạo ra sản phẩm (nếu có chế tác tại cơ sở hay làng nghề)		1		
E1.6	Tỷ lệ hàng hóa sản xuất trong nước chiếm trên 70%		1		
E1.7	Tỷ lệ hàng hóa sản xuất tại địa phương chiếm trên 50%		1		
E2	Tiết kiệm năng lượng		12		
E2.1	Quản lý tiêu thụ năng lượng				
E2.1.1	Lắp đặt đồng hồ giám sát năng lượng tiêu thụ hàng tháng		1		
E2.1.2	Có lịch trình, chương trình vệ sinh và bảo trì các thiết bị điện hàng tháng	X			
E2.1.3	Đọc, ghi nhận chỉ số tiêu thụ điện của cửa hàng hàng tháng và lập chỉ số quản lý việc tiêu thụ điện	X			
E2.1.4	Có kiểm toán điện hàng năm (tập hợp các số liệu tiêu thụ điện và hóa đơn thanh toán của các tháng trong năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu quy định và đề xuất chỉ tiêu cải tiến cho năm sau)		1		
E2.2	Kiến trúc tiết kiệm năng lượng của cửa hàng				
E2.2.1	Kiến trúc đảm bảo tính thân thiện với môi trường (hướng mặt trời không chiếu thẳng vào khu mua sắm hoặc có kiến trúc che, chắn nắng hiệu quả, chống gió lùa...)		1		
E2.2.2	Kiến trúc sử dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên		1		
E2.3	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ/kỹ thuật tiết kiệm năng lượng				
E2.3.1	Sử dụng các nguồn năng lượng tự nhiên (nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời...)		1		
E2.3.2	Sử dụng hệ thống điều hòa nóng lạnh phù hợp với không gian, công suất và mục đích sử dụng (Đối với vùng khí hậu không cần dùng điều hòa: chỉ tiêu này được đánh giá 1 điểm)		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E2.3.3	Sử dụng hệ thống rèm giúp chắn sáng và cách nhiệt tốt		1		
E2.3.4	Sử dụng bóng đèn tiết kiệm điện (bóng compact, đèn led...)		1		
E2.3.5	Chia từng khu vực trong cửa hàng, sử dụng ánh sáng phù hợp với từng khu vực (ví dụ: khu vực cho khách, khu vực nhân viên...)		1		
E2.3.6	Sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, các thiết bị có nhãn sinh thái Eco hay Star Energy hoặc tương đương (ví dụ: máy tính, tủ lạnh, máy điều hoà...)		1		
E2.3.7	Sử dụng đèn cảm biến ở khu vực ít sử dụng (ví dụ: ngoài sân, nhà vệ sinh...)		1		
E2.3.8	Có các biện pháp khác nâng cao tính hiệu quả của việc quản lý và sử dụng điện		1		
E3	Tiết kiệm nước		5		
E3.1	Quản lý tiêu thụ nước sạch				
E3.1.1	Phân công người kiểm tra các thiết bị nước hàng ngày để tránh hiện tượng rò rỉ nước	X			
E3.1.2	Ghi chép số liệu tiêu thụ nước hàng tháng, lập chỉ số quản lý tiêu thụ nước hàng ngày	X			
E3.2	Có lắp đặt và sử dụng công nghệ/ kỹ thuật tiết kiệm nước				
E3.2.1	Lắp đặt vòi hạn dòng để tiết kiệm nước		1		
E3.2.2	Lắp đặt bồn cầu với hệ thống 2 mức xả phù hợp, tiết kiệm nước		1		
E3.2.3	Lắp đặt vòi nước tự động tại bồn rửa và bồn tiểu nam		1		
E3.2.4	Có thiết bị thu và cất trữ nước mưa		1		
E3.2.5	Có lắp đặt thiết bị vệ sinh khô (để hạn chế dùng nước)		1		
E4	Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và bán sản phẩm xanh		8		
E4.1	Hàng hóa				
E4.1.1	Hàng hóa có xuất xứ trong nước, chiếm tỷ lệ 70% trở lên		1		
E4.1.2	Hàng hóa được sản xuất tại địa phương hay sử dụng nguyên liệu của địa phương chiếm trên 20%		1		
E4.1.3	Có in rõ nguồn gốc hàng hóa trên sản phẩm (không phải của cửa hàng sản xuất ra)		1		
E4.1.4	Có in tên cửa hàng, biểu tượng (logo) hoặc nhãn hiệu hàng hóa (nếu hàng hóa được cửa hàng sản xuất).		1		

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E4.1.5	Tỷ lệ hàng hóa sản xuất bằng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường chiếm trên 60%		1		
E4.1.6	Không có hàng hoá, vật dụng làm từ động thực vật hoang dã được bảo vệ theo pháp luật và các công ước quốc tế	X			
E4.1.7	Không sử dụng chất phụ gia, chất kích thích, hoá chất bảo vệ thực vật để chế biến trong các sản phẩm bán tại cửa hàng	X			
E4.2	Các vật dụng trong cửa hàng				
E4.2.1	Có túi đựng hàng hóa cho khách bằng chất liệu thân thiện với môi trường. Không sử dụng túi đựng đồ bằng chất liệu khó phân hủy (ví dụ: túi ny-lon)	X			
E4.2.2	Sử dụng thùng rác có chất liệu thân thiện với môi trường và dễ vệ sinh		1		
E4.2.3	Sử dụng đồ đạc, thiết bị chất lượng tốt, bền		1		
E4.2.4	Bàn ghế đồ dùng, vật liệu trong cửa hàng được làm từ các vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện với môi trường		1		
E5	Giảm thiểu và xử lý chất thải		4		
E5.1	Giảm thiểu chất thải				
E5.1.1	Giảm thiểu sử dụng hoặc không sử dụng túi ny-lon để thu gom rác		1		
E5.1.2	Tái sử dụng khăn, giẻ lau thay vì dùng giấy để lau chùi, vệ sinh		1		
E5.1.3	Sử dụng công nghệ để ngăn chặn sự ô nhiễm nước cấp, nước thải và làm giảm lượng nước thải sinh ra		1		
E5.1.4	Thực hiện tiết kiệm giấy, mực in. Cài đặt máy in và máy photo ở chế độ in hai mặt		1		
E5.2	Xử lý chất thải				
E5.2.1	Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy định	X			
E5.2.2	Rác và chất thải được chuyển ra khỏi cửa hàng ít nhất 2 lần/ngày và chuyển đến nơi xử lý 1 lần/ ngày	X			
E6	Giảm thiểu sự ô nhiễm và sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường		2		
E6.1	Các quầy trưng bày đảm bảo đẹp mắt, sạch sẽ, thoáng mát	X			
E6.2	Đảm bảo vệ sinh, mỹ quan khu vực trước, trong cửa hàng	X			

Mã số	Nội dung Tiêu chí	Mức đạt tối đa		Đơn vị tự chấm	
		Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm	Tiêu chí bắt buộc	Tiêu chí chấm điểm
E6.3	Không sử dụng các hóa chất có chất độc dễ bay hơi ở nhiệt độ thường gây hại cho sức khỏe và môi trường (ví dụ: chất VOCs có thể có ở trong sơn; chất Chlorofluorocarbon (CFC) có trong môi chất của tủ lạnh, tủ đông, bình xịt...)	X			
E6.4	Sử dụng các đồ trang trí "bền vững" - làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường ví dụ như dùng sáp ong, hạn chế không dùng nền đốt, thay thế bằng đèn Led...		1		
E6.5	Sử dụng hóa chất tẩy rửa thân thiện với môi trường, có nhãn sinh thái, nhãn xanh, "Eco label" ở trên sản phẩm	X			
E6.6	Quần áo của nhân viên, khăn lau và các loại đồ vải trong cửa hàng được làm bằng chất liệu thân thiện với môi trường như sợi hữu cơ...		1		
TỔNG ĐIỂM CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN			122		

Phụ lục 3

MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NHÃN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỔNG CỤC DU LỊCH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TCDL-KS *Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....*
 V/v thông báo kết quả đánh giá việc thực hiện tiêu chí Nhãn Du lịch xanh

Kính gửi:.....

Từ ngày / ... / đến ngày / ... /, Hội đồng đánh giá Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh (sau đây gọi là Hội đồng) đã tiến hành đánh giá việc thực hiện tiêu chí Nhãn Du lịch xanh tại đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng đối với Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch;

Căn cứ quy định trình tự, thủ tục đánh giá và cấp thí điểm Chứng nhận cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh và biên bản đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh tại đơn vị ngày ... / ... /

Căn cứ Biên bản làm việc của Hội đồng ngày ... / ... /

Hội đồng thông báo kết quả đánh giá như sau:

+ Loại Điểm dừng chân của đơn vị, gồm có các dịch vụ:

.....

+ Số tiêu chí bắt buộc đơn vị đạt (%):

+ Số điểm các tiêu chí khác đơn vị đạt/ tổng điểm:

- Những nội dung yêu cầu đơn vị bổ sung, thực hiện:

...../.

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHÁCH SẠN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở VH-TTDL...;
- Lưu: VT, Vụ KS, (...).

Phụ lục 4**MẪU TỜ TRÌNH VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ
NHÃN DU LỊCH XANH CỦA ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**TỔNG CỤC DU LỊCH
HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... thángnăm

TỜ TRÌNH**Về kết quả đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh
của Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch**

Kính gửi: Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch

Từ ngày/...../.... đến ngày/..../....., sau khi tiến hành đánh giá trên địa bàn tỉnh (TP)....., Hội đồng đánh giá Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (sau đây gọi là Hội đồng) theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch như sau:

I. Tổng hợp, đánh giá:

TT	Tên đơn vị	Số tiêu chí bắt buộc đạt được (%)	Các tiêu chí khác số điểm đạt/tổng điểm	Ghi chú Loại Điểm dừng chân (gồm những dịch vụ....)

II. Kết quả đánh giá và đề xuất:

1. Đề nghị cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh cho các đơn vị sau:

1.1. Tên đơn vị:.....Địa chỉ:.....

1.2. Tên đơn vị:.....Địa chỉ:.....

1.3. Tên đơn vị:.....Địa chỉ:.....

2. Đề xuất đối với các đơn vị chưa đạt Nhãn Du lịch xanh:

.....
.....

Hội đồng chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung và kết quả đánh giá trên./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 5**MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN NHÃN DU LỊCH XANH
TẠI ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

BIÊN BẢN**Đánh giá việc thực hiện Nhãn Du lịch xanh
tại Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch**

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày...../...../....., Hội đồng đánh giá Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (sau đây gọi là Hội đồng) theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh đến làm việc tại:

- Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch (tên đơn vị):.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Email:.....Website:.....

I. Thành phần:

- Hội đồng:

1.....

2.....

3.....

4.....

5.....

- Đại diện đơn vị:

1.....

2.....

3.....

II. Nội dung:

Sau khi được đại diện đơn vị báo cáo tình hình cụ thể và cung cấp thông tin cần thiết, sau khi kiểm tra và đánh giá thực tế tại đơn vị, căn cứ Bộ tiêu chí Nhãn Du lịch xanh áp dụng cho Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch, Hội đồng có ý kiến đánh giá như sau:

Kết quả đánh giá là cơ sở để trình Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch xem xét, quyết định việc cấp Chứng nhận Nhãn Du lịch xanh cho đơn vị.

Buổi làm việc kết thúc vào.....giờ.....ngày...../...../...../.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6

**MẪU BIÊN BẢN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐIỂM DỪNG CHÂN
PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH THEO CÁC TIÊU CHÍ NHÂN DU LỊCH XANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

**Của Hội đồng đánh giá Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch
theo các tiêu chí Nhân Du lịch xanh**

Từ ngày/...../..... đến ngày/...../....., Hội đồng đánh giá Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch theo các tiêu chí Nhân Du lịch xanh (sau đây gọi là Hội đồng) đã tiến hành đánh giá việc thực hiện Nhân Du lịch xanh tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh (TP)....., cụ thể:

I. Thành phần Hội đồng:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....

II. Nội dung:

Căn cứ Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh áp dụng cho điểm dừng chân phục vụ khách du lịch;

Căn cứ Quy trình đánh giá và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho điểm dừng chân phục vụ khách du lịch;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Nhân Du lịch xanh của đơn vị;

Hội đồng đã tiến hành đánh giá, kiểm tra việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại các đơn vị sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ghi chú

Căn cứ biên bản đánh giá việc thực hiện Bộ tiêu chí Nhân Du lịch xanh tại đơn vị, Hội đồng thống nhất kết quả đánh giá để thông báo với đơn vị và đề nghị Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch xem xét, ra quyết định và cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh cho các đơn vị, cụ thể như sau:

TT	Tên đơn vị	Số tiêu chí bắt buộc đạt được (%)	Các tiêu chí khác số điểm đạt/tổng điểm	Ghi chú Loại Điểm dừng chân (gồm những dịch vụ.....)

Buổi làm việc kết thúc vào.....giờ.....ngày...../...../....., đã đọc lại toàn bộ nội dung biên bản, các thành viên Hội đồng thống nhất và ký tên (có bảng điểm do Hội đồng thống nhất đánh giá kèm theo đối với mỗi đơn vị)/.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7

MẪU CHỨNG NHẬN NHÃN DU LỊCH XANH CẤP CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

Thông số màu:

- Bông sen và chữ biểu trưng màu xanh lá cây: 100C – 0M – 100Y – 10K
- Đường viền và nền chữ biểu trưng màu vàng đậm: 0C – 20M – 100Y – 0K
- Nền biểu trưng màu vàng nhạt : 0C – 0M – 60Y – 0K
- Vòng tròn ngoài cùng biểu trưng màu vàng đậm: 0C – 20M – 100Y – 2K
- Biểu trưng nền Chứng nhận Nhân Du lịch xanh màu xanh nhạt: 8C – 0M – 25Y – 0K
- Chữ in trên Chứng nhận Nhân Du lịch xanh: 100C – 0M – 30Y – 50K



Phụ lục 8

MẪU BIỂU TRƯNG NHÃN DU LỊCH XANH ÁP DỤNG CHO ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

Biểu trưng Nhân Du lịch xanh được sử dụng cho nhiều loại sản phẩm, dịch vụ trong Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch, có kích cỡ khác nhau nên kích thước có thể khác nhau cho phù hợp với từng sản phẩm, dịch vụ. Kích thước nhỏ nhất của biểu trưng để Điểm dừng chân phục vụ khách du lịch được cấp Chứng nhận Nhân Du lịch xanh gắn cho sản phẩm, dịch vụ của mình có đường kính là 1,5 cm.

Thông số màu:

- Bông sen và chữ màu xanh lá cây: 100C – 0M – 100Y – 10K
- Đường viền và nền chữ màu vàng đậm: 0C – 20M – 100Y – 0K
- Nền biểu trưng màu vàng nhạt: 0C – 0M – 60Y – 0K
- Vòng tròn đậm ngoài cùng: 0C – 20M – 100Y – 2K



SỔ TAY

HƯỚNG DẪN CẤP NHẬN DU LỊCH XANH CHO
ĐIỂM DỪNG CHÂN PHỤC VỤ KHÁCH DU LỊCH

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:	Đoàn Minh Tuấn
BIÊN TẬP:	Vụ Khách sạn, Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
CHỦ BIÊN:	Hoàng Thị Điệp, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
BAN BIÊN SOẠN:	
TRƯỞNG BAN:	Nguyễn Phương Anh, nguyên Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Khách sạn, Tổng cục Du lịch
THÀNH VIÊN:	Đỗ Thị Hồng Xoan, Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Khách sạn Việt Nam
CỐ VẤN KỸ THUẬT:	Vũ Thế Bình, Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Lữ hành Việt Nam
THIẾT KẾ MỸ THUẬT:	Công ty TNHH Truyền thông PLANORAMA
THIẾT KẾ BÌA:	Lê Hoàng
NHÀ XUẤT BẢN:	Thanh Niên
SỐ LƯỢNG BẢN IN:	600
KHỔ GIẤY PHÉP XUẤT BẢN:	150cm x 210cm
GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:	505-2012/CXB/85-16/TN

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2013.

